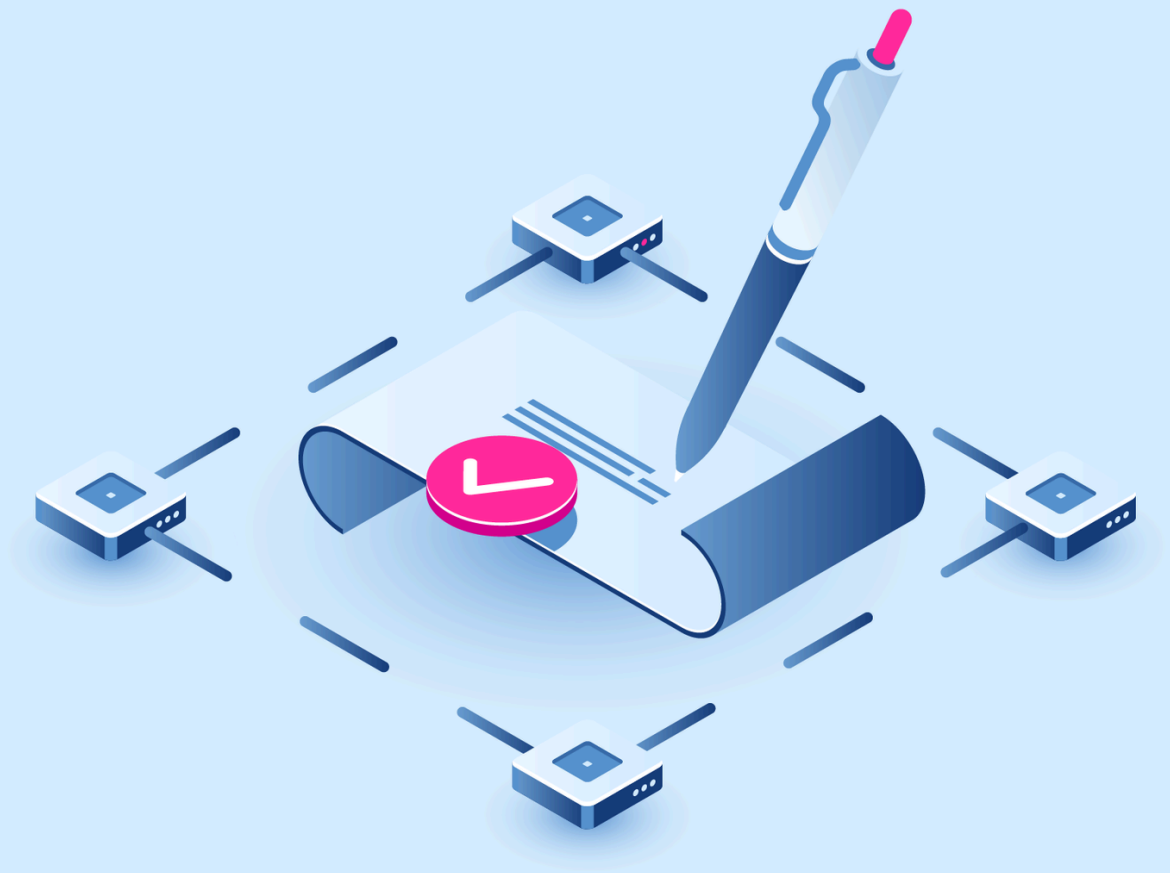


DOANH NGHIỆP CẦN LƯU Ý GÌ KHI SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG?

LÊ HẢI LINH



Luật Giao dịch điện tử 2023 được ban hành đã tạo nên khung pháp lý mới đối với chữ ký điện tử; trong đó bao gồm chữ ký số công cộng - loại chữ ký đang được các doanh nghiệp sử dụng rộng rãi trong các thủ tục về thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội cũng như khi ký kết hợp đồng điện tử hiện nay. Theo đó, chữ ký số công cộng là chữ ký số được sử dụng trong hoạt động công cộng và được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký số công cộng. Văn bản hướng dẫn chi tiết về chữ ký số công cộng là Nghị định 23/2025/NĐ-CP quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy (**Nghị định 23**) có hiệu lực kể từ ngày 10/4/2025 và thay thế cho Nghị định 130/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 48/2024/NĐ-CP (**Nghị định 130**). Trong Bản tin pháp luật số này, NHQuang&Cộng sự sẽ phân tích một số nội dung liên quan đến chữ ký số công cộng trong Nghị định 23 mà Quý Khách hàng quan tâm.

Thứ nhất, Nghị định 23 quy định về chứng thư chữ ký số công cộng. Chứng thư chữ ký số công cộng được cung cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng *nhằm xác nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân được chứng thực là người ký chữ ký số công cộng*. Nội dung của chứng thư chữ ký số công cộng bao gồm các thông tin như tên của tổ chức phát hành chứng thư chữ ký số, thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số, mục đích, phạm vi sử dụng của chứng thư chữ ký số,... Thời hạn của một chứng thư chữ ký số công cộng tối đa là 03 năm và có thể được gia hạn theo thủ tục tại Điều 39 của Nghị định 23 trước ngày hết hạn của chứng thư. Theo Nghị định 130, thời hạn của chứng thư chữ ký số công cộng tối đa 05 năm với trường hợp cấp mới và tối đa 03 năm với trường hợp gia hạn và các tổ chức, cá nhân cần thực hiện gia hạn trước ít nhất là 30 ngày trước khi hết hạn.

Để được cấp chứng thư chữ ký số công cộng, cá nhân, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị theo quy định tại Điều 34, Nghị định 23. Đối với tổ chức, hồ sơ bao gồm giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư, giấy tờ tùy thân của người đại diện theo pháp luật của tổ chức như thẻ căn cước công dân,... Khi nhận được hồ sơ đề nghị, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng kiểm tra, đối chiếu các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị phát hành, tiến hành giao kết hợp đồng và phát hành chứng thư chữ ký số công cộng cho thuê bao. So với các quy định tại Nghị định 130, quy trình cấp chứng thư chữ ký số công cộng quy định tại Nghị định 23 chi tiết và cụ thể hơn, tạo sự minh bạch trong quy trình, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc đăng ký và sử dụng chữ ký số công cộng.

Thứ hai, Nghị định 23 quy định về nghĩa vụ của người ký trước khi thực hiện ký số, cụ thể:

- Kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số, bao gồm kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số của mình trên hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức tạo lập cấp, phát hành chứng thư chữ ký số đó và kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số của tổ chức tạo lập, phát hành chứng thư chữ ký số cho mình trên *hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia* thay vì “*hệ thống kỹ thuật của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia*” theo quy định của Nghị định 130.
- Sử dụng phần mềm ký số tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật về chữ ký số trên thông điệp dữ liệu, có các chức năng như xác thực chủ thể ký và ký số, chức năng lưu trữ và hủy bỏ các thông tin kèm theo thông điệp dữ liệu ký số. Đây là nội dung mới của Nghị định 23 so với Nghị định 130.

Thứ ba, Nghị định 23 quy định về nghĩa vụ của người nhận khi nhận thông điệp dữ liệu được ký số. Theo đó, người nhận cần kiểm tra các thông tin như trạng thái chứng thư chữ ký số, phạm vi sử dụng, giới hạn trách nhiệm và các thông tin trên chứng thư chữ ký số của người ký. Việc kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số cần thực hiện theo quy trình tại khoản 2, Điều 16, Nghị định 23; ví dụ đối với chứng thư chữ ký số công cộng do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp, cần kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số công cộng của tổ chức đã phát hành chứng thư chữ ký số công cộng đó tại thời điểm thực hiện ký số trên hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia. Ngoài ra, người nhận phải sử dụng phần mềm kiểm tra chữ ký số đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan.

Nghị định 23 được ban hành đã quy định chi tiết hơn về chữ ký điện tử nói chung và chữ ký số công cộng nói riêng, quy định thống nhất với Luật Giao dịch điện tử 2023, đồng thời đáp ứng với yêu cầu phát triển của xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức trong việc sử dụng, nhưng đồng thời cũng đảm bảo hiệu lực pháp lý của chữ ký điện tử. Doanh nghiệp cần cập nhật, nghiên cứu các quy định của Nghị định 23 và các văn bản hướng dẫn khác có thể được ban hành trong thời gian sắp tới để sử dụng chữ ký số công cộng phù hợp với quy định pháp luật, đảm bảo hiệu lực pháp lý của chữ ký số công cộng. Trong trường hợp Quý Khách hàng và độc giả muốn tìm hiểu rõ hơn về các quy định cũng như việc sử dụng chữ ký điện tử và chữ ký số trên thực tế, Văn phòng luật sư NHQuang&Cộng sự sẵn sàng giải đáp, hỗ trợ và cung cấp tư vấn pháp lý liên quan.